

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM - TỪ VỰNG TỔNG HỢP (PART 2)

| | | |
|-----|---|--|
| 197 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "tiến hành"? | A. Carry out B. Foreign C. Encourage D. Không phải các từ trên |
| 198 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Encourage" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. khuyến khích C. tiến hành D. Ý nghĩa khác |
| 199 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "pha trộn"? | A. Mixture B. Encourage C. Difference D. Không phải các từ trên |
| 200 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Difference" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. khác biệt C. pha trộn D. Ý nghĩa khác |
| 201 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "đa dạng"? | A. Diversity B. Difference C. Protect D. Không phải các từ trên |
| 202 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Protect" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bảo vệ C. đa dạng D. Ý nghĩa khác |
| 203 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "tạo"? | A. Create B. Protect C. Virtual reality D. Không phải các từ trên |
| 204 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Virtual reality" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. thực tế ảo C. tạo D. Ý nghĩa khác |
| 205 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "thực ra"? | A. Actually B. Virtual reality C. Expand D. Không phải các từ trên |
| 206 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Expand" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. phát triển/mở rộng C. thực ra D. Ý nghĩa khác |
| 207 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "nguồn gốc/ban đầu"? | A. Originally B. Expand C. Exam D. Không phải các từ trên |
| 208 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Exam" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. kỳ thi C. nguồn gốc/ban đầu D. Ý nghĩa khác |
| 209 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "trí óc"? | A. Mind B. Exam |

| | | |
|-----|---|--|
| | | C. Blank D. Không phải các từ trên |
| 210 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Blank" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. trống C. trí óc D. Ý nghĩa khác |
| 211 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "thử thách thật sự"? | A. Real challenge B. Blank C. Fake D. Không phải các từ trên |
| 212 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Fake" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. giả C. thử thách thật sự D. Ý nghĩa khác |
| 213 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "nhớ"? | A. Remember B. Fake C. Anything D. Không phải các từ trên |
| 214 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Anything" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bất kỳ thứ gì C. nhớ D. Ý nghĩa khác |
| 215 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "quản lý / xoay xở"? | A. Manage B. Anything C. Finish D. Không phải các từ trên |
| 216 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Finish" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. hoàn thành C. quản lý / xoay xở D. Ý nghĩa khác |
| 217 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "thực sự"? | A. Really B. Finish C. Wear D. Không phải các từ trên |
| 218 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Wear" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. mặc C. thực sự D. Ý nghĩa khác |
| 219 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "quyết định"? | A. Decided B. Wear C. Enter D. Không phải các từ trên |
| 220 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Enter" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bước vào C. quyết định D. Ý nghĩa khác |
| 221 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "cuộc thi"? | A. Competition B. Enter C. Activity D. Không phải các từ trên |
| 222 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Activity" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. hoạt động C. cuộc thi |

| | | |
|-----|---|---|
| | | D. Ý nghĩa khác |
| 223 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "kế hoạch"? | A. Plan B. Activity C. Natural materials D. Không phải các từ trên |
| 224 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Natural materials" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. chất liệu tự nhiên C. kế hoạch D. Ý nghĩa khác |
| 225 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "hứa"? | A. Promised B. Natural materials C. Ethnic minority people D. Không phải các từ trên |
| 226 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Ethnic minority people" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. dân tộc thiểu số C. hứa D. Ý nghĩa khác |
| 227 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "nghiên cứu"? | A. Researching B. Ethnic minority people C. Negative D. Không phải các từ trên |
| 228 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Negative" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. tiêu cực C. nghiên cứu D. Ý nghĩa khác |
| 229 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "tận tâm/quyết tâm"? | A. Determined B. Negative C. Vet D. Không phải các từ trên |
| 230 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Vet" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. bác sĩ thú y C. tận tâm/quyết tâm D. Ý nghĩa khác |
| 231 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "theo đuổi"? | A. Pursue B. Vet C. Democratic D. Không phải các từ trên |
| 232 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Democratic" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. dân chủ C. theo đuổi D. Ý nghĩa khác |
| 233 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "hướng về gia đình"? | A. Family-oriented B. Democratic C. Kind D. Không phải các từ trên |
| 234 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Kind" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. tử tế, tốt bụng C. hướng về gia đình D. Ý nghĩa khác |
| 235 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "quan hệ gia đình"? | A. Family relation B. Kind C. Family values D. Không phải các từ trên |

| | | |
|-----|---|---|
| 236 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Family values" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. giá trị gia đình C. quan hệ gia đình D. Ý nghĩa khác |
| 237 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "trải nghiệm"? | A. Experience B. Family values C. Changes D. Không phải các từ trên |
| 238 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Changes" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. thay đổi C. trải nghiệm D. Ý nghĩa khác |
| 239 | Từ tiếng Anh nào dưới đây có ý nghĩa là: "gia đình nhiều thế hệ"? | A. Extended family B. Changes C. Alive D. Không phải các từ trên |
| 240 | Nghĩa đúng của từ hoặc cụm từ "Alive" là gì? | A. Sai ý nghĩa hoàn toàn B. sống C. gia đình nhiều thế hệ D. Ý nghĩa khác |